

Số: 448 /BC-THPTCL

Chi Lăng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGD
ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường

Trường Trung học phổ thông (THPT) Chi Lăng.

2. Địa chỉ:

Số 37, đường Chu Văn An, thôn Hoà Bình I, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 02053.820.214

Email: thpt.chilanga.ls@gmail.com

Website: <http://thptchilang.langson.edu.vn>

3. Loại hình trường

Công lập

Cơ quan trực tiếp quản lý: Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nền nếp - kỷ cương, chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, tài năng của mình.

4.2. Tầm nhìn

Trở thành một trong những trường có chất lượng giáo dục cao trong tỉnh.

4.3. Giá trị cốt lõi

Trường THPT Chi Lăng hướng tới các giá trị cốt lõi sau đây

- Đoàn kết, dân chủ
- Kỷ cương, nền nếp.
- Tâm huyết, trách nhiệm
- Hợp tác, chia sẻ.
- Tự hào, tự tin
- Khát vọng vươn lên.

- Đổi mới, hội nhập
- Phát triển.

4.4. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Tiếp tục duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia cấp độ I giai đoạn 2021 - 2026, đạt chuẩn Quốc gia cấp độ II giai đoạn 2026 - 2031.

4.5. Phương châm hành động

Xây dựng tập thể hội đồng sư phạm đoàn kết, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện với phương châm “Chất lượng đào tạo là uy tín, danh dự của nhà trường”.

5. Tóm tắt quá trình phát triển

Trường THPT Chi Lăng được thành lập năm 1965 tại thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (Nay là xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn). Từ ngày thành lập đến cuối năm 1971, do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, trường đã phải di chuyển địa điểm nhiều lần: Từ thị trấn Đồng Mỏ về thôn Mỏ Ba xã Hoà Bình rồi lại chuyển về thôn Đồng Tiến xã Quang Lang. Năm 1972 Mỹ leo thang đánh phá Miền bắc trường lại sơ tán vào thôn Nà Nong xã Thượng Cường đến năm 1973 hòa bình lập lại trường chuyển về khu Hòa Bình - Thị trấn Đồng Mỏ (Nay là xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn) và ổn định cho đến nay.

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, trường đã đạt được rất nhiều thành tích trên các mặt hoạt động, góp phần đào tạo hàng vạn người lao động có trình độ, hàng ngàn cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học. Giáo viên nhà trường tích cực tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp, hàng trăm lượt giáo viên được tặng danh hiệu giáo viên giỏi, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Tỉnh. Đến năm học 2025 - 2026, trường có 64 giáo viên trực tiếp giảng dạy, 100% có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn. Trường có tổ chức chi bộ Đảng gồm 43 đảng viên, chi bộ Đảng liên tục đạt tiêu chuẩn Chi bộ đảng trong sạch vững mạnh, giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Các tổ chức Đoàn thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Từ khi thành lập đến nay nhà trường đã vinh dự đón nhận nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba; Bằng khen của Thủ tướng chính phủ. Năm 2015 nhà trường được công nhận là trường THPT đạt chuẩn Quốc gia. Nhiều năm liên được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; Bằng khen của Bộ GD&ĐT; Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh; Giấy khen của Giám đốc Sở GD&ĐT. Chất lượng giáo dục nhà trường được giữ vững, kết quả giáo dục luôn nằm trong tốp đầu của tỉnh khối THPT.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Hoàng Mạnh Hùng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 37, đường Chu Văn An, thôn Hoà Bình I, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Số điện thoại: 0919949668.

Địa chỉ thư điện tử: hoangmanhhung@moet.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường: Trường được thành lập năm 1965, hiện không còn quyết định thành lập trường.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Hội đồng trường được kiện toàn lại tại Quyết định số 1569/QĐ-SGDĐT ngày 10/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông Chi Lăng trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Hội đồng trường có 11 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Hoàng Mạnh Hùng	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Nông Bích Thùy	Giáo viên	Thư ký
3	Nguyễn Thùy Linh	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
4	Hoàng Minh Hải	Tổ trưởng Tổ Toán – Hoá – Sinh	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thu Hiền	Tổ trưởng Tổ Văn – Sử	Thành viên
6	Phùng Thị Thanh Hòa	Tổ trưởng Tổ Anh - Địa - GDKT&PL	Thành viên
7	Lưu Văn Thịnh	Tổ trưởng Tổ Lý – Tin – CN – TD – GDQPAN	Thành viên
8	Vi Thị Hồng	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	Thành viên
9	Vi Thị Thanh Tâm	Trưởng phòng Văn hoá- xã hội xã Chi Lăng	Thành viên
10	Ngô Minh Đức	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên
11	Phạm Nguyễn Thu Ngân	Học sinh lớp 12a6	Thành viên

c, Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đơn vị

Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 1383/QĐ-SGDĐT ngày 25/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Chi Lăng trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (đồng chí Hoàng Mạnh Hùng).

Đơn vị có 02 Phó Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 1384/QĐ-SGDĐT ngày 25/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Chi Lăng trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với bà Phùng Thị Chung).

Quyết định số 262/QĐ-SGDĐT ngày 28/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Chi Lăng trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với bà Bé Thị Đoan Trang).

d, Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

Quy chế làm việc của nhà trường được ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-THPTCL ngày 09/9/2025 của Trường THPT Chi Lăng ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường THPT Chi Lăng năm học 2025-2026.

Vị trí chức năng

- Trường THPT Chi Lăng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Lạng Sơn.

- Trường THPT Chi Lăng thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, và các quy định pháp luật có liên quan. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng hoạt động theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ, quyền hạn

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức:

- Hội đồng trường có 11 thành viên

- Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng: 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

- Hội đồng thi đua khen thưởng: 01 hội đồng

- Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ trường)

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có 41 đảng viên

- Tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 01 Bí thư, 02 Phó Bí thư, 02 Ủy viên Ban Thường vụ.

- Các tổ chuyên môn có 04 tổ:

+ Tổ Văn-Sử có 16 thành viên. Trong đó có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó.

+ Tổ Anh- Địa- GDKT&PL có 17 thành viên: Trong đó có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó.

+ Tổ Lý- Tin-CN-TD-GDQP&AN có 17 thành viên. Trong đó có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó.

+ Tổ Toán-Hoá- Sinh có 18 thành viên. Trong đó có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó.

- Tổ văn phòng có 06 thành viên. Trong đó có 01 Tổ trưởng, không có Tổ phó.

đ, Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Không có.

e, Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, của lãnh đạo nhà trường.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Địa chỉ thư điện tử	Ghi chú
1	Hoàng Mạnh Hùng	Hiệu trưởng	0919949668	hoangmanhhung@moet.edu.vn	
2	Phùng Thị Chung	Phó Hiệu trưởng	0977498384	phungthichung@moet.edu.vn	

3	Bế Thị Đoan Trang	Phó Hiệu trưởng	0986995601	nguyentranghbcl@gmail.com	
---	-------------------	-----------------	------------	---------------------------	--

Địa chỉ nơi làm việc: Số 37, đường Chu Văn An, thôn Hoà Bình I, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục:

Kế hoạch số 280/KH-THPTCL ngày 30/8/2025 của Trường THPT Chi Lăng về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026.

Kế hoạch số 313/KH-THPTCL ngày 24/9/2025 của Trường THPT Chi Lăng v/v cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2025-2026.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 382/QĐ-THPTCL ngày 16/12/2025 của Trường THPT Chi Lăng v/v ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động của trường THPT Chi Lăng năm 2025-2026.

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số liệu tại thời điểm báo cáo (theo biên chế)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Hoàn thành bồi dưỡng hằng năm
			TS	Th S	ĐH	C Đ	TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tốt	Kh á	Trung bình	K é m	
	Tổng số giáo viên, CBQL và nhân viên	70	0	18	50	02	0	0	24	46	28	38	0	0	66 (100 %)
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn	63	0	15	48	0	0	0	21	42					63 (100 %)
1	Toán	9	0	3	6	0	0	0	2	7	3	6	0	0	
2	Sử	4	0	1	3	0	0	0	1	3	1	3	0	0	
3	Địa	5	0	0	5	0	0	0	1	4	3	2	0	0	
4	KTPL	3	0	0	3	0	0	0	0	3	1	2	0	0	
5	GDTC	5	0	0	5	0	0	0	1	4	1	4	0	0	
6	Hoá	4	0	0	4	0	0	0	1	3	1	3	0	0	

7	Sinh	5	0	2	3	0	0	0	3	2	0	5	0	0	
8	Ngoại ngữ	7	0	3	4	0	0	0	2	5	4	3	0	0	
9	Ngữ văn	10	0	5	5	0	0	0	5	5	5	4	1	0	
10	Vật lí	5	0	1	4	0	0	0	2	3	1	4	0	0	
11	Tin học	3	0	0	3	0	0	0	1	2	1	2	0	0	
12	Công nghệ	2	0	0	2	0	0	0	2	0	1	1	0	0	
13	GD QPAN	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	
II	Cán bộ quản lý	3	0	3	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0	
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0	
III	Nhân viên	4	0	0	2	2	0	0	0	2	0	0	0	0	
1	Nhân viên thư viện	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	
2	Nhân viên y tế	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Nhân viên kế toán	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Nhân viên văn thư	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Tổng diện tích đất: 9.507,0 m²

- Tổng diện tích nhà:

+ Tổng diện tích xây dựng nhà 2.608 m²

+ Tổng diện tích sàn xây dựng nhà: 2.608 m²

+ Tổng diện tích sàn sử dụng nhà: 5.656 m²

- Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 học sinh 8,23 m² (so với quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT thì chưa đủ diện tích bình quân tối thiểu là 10m²/học sinh).

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Khối phòng học tập:

+ Số phòng học: 30 phòng (30 phòng học kiên cố, đạt tỷ lệ kiên cố là 100%) đảm bảo theo tiêu chuẩn Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT về số lượng phòng học/lớp. Có đủ chỗ ngồi cho học sinh, bàn ghế giáo viên, bảng, hệ thống đèn và hệ thống quạt. Tuy nhiên nhiều phòng học, bàn ghế học sinh chưa đảm bảo còn sử dụng bàn ghế cũ (từ năm...), có phòng học đã sử dụng bàn ghế mới nhưng diện tích phòng học nhỏ, việc sắp xếp chỗ ngồi còn chật chội.

+ Các phòng học bộ môn: Số phòng học bộ môn: 07 phòng (03 phòng Tin học, 01 phòng Vật lý, 01 phòng Hoá học, 01 phòng Sinh học, 01 phòng đa chức

năng). So với tiêu chuẩn còn thiếu phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Ngoại ngữ.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: 06 phòng (03 phòng Thư viện, 01 phòng Đoàn Thanh niên, 01 phòng truyền thống, 01 phòng Tư vấn học đường). So với tiêu chuẩn còn thiếu phòng thiết bị giáo dục.

- Khối phụ trợ: 08 phòng (01 phòng họp, 05 phòng tổ chuyên môn, 01 phòng Y tế, 01 phòng kho). Chưa có phòng sử dụng chung cho các tổ chuyên môn. Các phòng tổ chuyên môn chưa có đủ hệ thống bàn ghế, trang thiết bị phục vụ sinh hoạt tổ chuyên môn.

Có 2 khu nhà để xe của học sinh, có mái che, đảm bảo theo tiêu chuẩn.

Có 4 khu vệ sinh học sinh (12 phòng có vách ngăn), diện tích đảm bảo, tuy nhiên số xí và chậu rửa chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn. (hiện nay 96 HS/1 xí, 72 HS/1 chậu).

Cổng, hàng rào vững chắc, an toàn.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao:

- + Sân chơi (sân trường): 01

- + Sân thể dục thể thao: không có

- Khối phục vụ sinh hoạt: Không có.

- Hạ tầng kỹ thuật:

- + Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

- + Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường;

- + Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

- + Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;

- + Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; Tuy nhiên chưa có lối ra vào riêng, chưa thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; chưa có hệ thống thoát nước riêng, chưa có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Cơ bản có đủ các thiết bị dạy học theo chương trình giáo dục 2006, các thiết bị dạy học được khai thác, sử dụng hiệu quả. Đã được trang bị thiết bị dạy học lớp 10 và một số thiết bị dùng chung chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nhà trường đã tiếp nhận gói thiết bị dạy học lớp 10 và một số thiết bị dùng chung trị giá

1.030.167.000 đồng (Quyết định 245/QĐ-SGDĐT, ngày 24/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn). Hiện nay còn thiếu thiết bị dạy học lớp 11,12 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Các phòng học bộ môn (03 phòng Tin học, 01 phòng Vật lý, 01 phòng Hoá học, 01 phòng Sinh học, 01 phòng đa chức năng) đã được trang bị đầy đủ bàn, ghế, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bị hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn đối với lớp 10. Hiện nay còn thiếu tủ, giá, kệ và thiết bị của lớp 11,12 và thiếu các phòng bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Ngoại ngữ.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Năm học 2025-2026, nhà trường đã thực hiện lựa chọn danh mục sách giáo khoa như sau:

+ Sách giáo khoa lớp 10

STT	Môn	Tên sách	Tác giả	Tổ chức cá nhân	Ghi chú
1	Hóa học	Hóa học 10 (kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng chủ biên), Đặng Xuân Thu (Chủ biên). Nguyễn Thu Hà -Lê Thị Hồng Hải-Nguyễn Văn Hải- Lê Trọng Huyền-Vũ Anh Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Hóa học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng chủ biên), Đặng Xuân Thu (Chủ biên), Ngô Tuấn Cường, Nguyễn Văn Hải, Vũ Anh Tuấn		
2	Sinh học	Sinh học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn lập (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Thị Việt Hà; Đinh Đoàn Long, Nguyễn Thị Quyên, Nguyễn lai Thành	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

		Chuyên đề học tập Sinh 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn lập (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Dương Minh Lam		
3	Công nghệ	Công nghệ trồng trọt 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Lê Ngọc Anh, Nguyễn Anh Đức, Bùi Thị Thu Hương, Vũ Văn Liết, Nguyễn Ích Tân, Bùi Ngọc Tấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Tiếng Anh	Tiếng Anh 10 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa	Nhà xuất bản Đại học Huế	
5	TNHN	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Vật lý	Vật lý 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Gia Thịnh (chủ biên), Phạm Kim Chung, Tô Giang, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Văn Thụ	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.	
		Chuyên đề học tập Vật lý 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quang Báu		

		thức với cuộc sống)	(Chủ biên), Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải		
7	Tin học	Tin học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long, Đào Kiến Quốc, Bùi Việt Hà, Lê Chí Ngọc, Lê Kim Thư	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Tin học 10 Định hướng tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long, Đào Kiến Quốc, Dương Quỳnh Nga, Đặng Bích Việt		
8	Công nghệ CN	Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên - Chủ biên). Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Võ Thị Như Uyên	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Ngữ văn	Ngữ văn 10, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Ngữ văn 10, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân		

		Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân		
		Giáo dục thể chất 10: Bóng chuyền (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng		
		Giáo dục thể chất 10: Đá cầu (Cánh Diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Ngọc (Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc Mạc Xuân Tùng, Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
10	GDQP	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 10 (Cánh diều)	Nguyễn Thiện Minh (Tổng Chủ biên), Lê Hoài Nam (Chủ biên), Nguyễn Đức Hạnh, Phí Văn Hạnh, Nguyễn Ngọc Huynh, Uông Thiện Hoàng, Hoàng Lê Nam, Vũ Thị Nga, Nguyễn Văn Tình, Phạm Hữu Tuấn, Nguyễn Thanh Sơn, Lương Hồng Sinh	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
11	Toán	Toán 10, (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương, Phạm Hoàng Quân	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	

		Chuyên đề học tập Toán 10 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương, Phạm Hoàng Quân		
12	Lịch sử	Lịch sử 10 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên) – Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình – Nguyễn Thu Hiền – Tống Thị Quỳnh Hương – Nguyễn Mạnh Hưởng.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
		Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên) – Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình – Nguyễn Văn Dũng – Nguyễn Thu Hiền		
13	Địa lí	Địa Lí 10 (Cánh Diều)	Lê Thông(Tổng Chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên) Nguyễn Đức Vũ, Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương - Nguyễn Thị Trang Thanh – Lê Mỹ Dung	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
		Chuyên đề học tập Địa Lí 10 (Cánh Diều)	Lê Thông(Tổng Chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên) Nguyễn Đức Vũ, Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Trang Thanh		
14	GDKT&PL	GDKT&PL 10 (Kết nối	Trần Thị Mai	Nhà xuất	

		tri thức với cuộc sống)	Phương (Chủ Biên), Nguyễn Hà An – Phạm Thị Kim Dung – Nguyễn Thị Toan	bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập GDKT&PL 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ Biên), Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan		

+ Sách giáo khoa lớp 11

STT	Môn	Tên sách	Tác giả	Tổ chức cá nhân	Ghi chú
1	Hóa học	Hóa học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng chủ biên).Đặng Xuân Thư (Chủ biên) -Nguyễn Đăng Đạt- Lê Thị Hồng Hải- Nguyễn Văn Hải- Đường Khánh Linh- Trần Thị Như Mai	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Hóa học 11(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng chủ biên) Đặng Xuân Thư (Chủ biên) Nguyễn Hữu Chung- Nguyễn Đăng Đạt- Nguyễn Văn Hải - Đường Khánh Linh- Trần Thị Như Mai		
2	Sinh học	Sinh học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn lập (Tổng chủ biên), Lê Đình Tuấn (Chủ biên), Trần Thị Thanh Huyền , Vũ Thị Thu, Tô Thanh Thúy, Lê Thị Thúy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Sinh 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn lập (Tổng chủ biên), Lê Đình Tuấn (Chủ biên), Phan Thị Thu Hiền,		

		sống)	Trần Thị Thanh Huyền, Đặng Bảo Ngọc, Lê Thị Thúy		
3	Công nghệ	Công nghệ chăn nuôi 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Bá, Cao Bá Cường, Phạm Kim Đăng, Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Bá Hiện, Trần Thị Bình Nguyên, Đỗ Thị Phụng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Tiếng Anh	Tiếng Anh 11 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Huỳnh Tuyết Mai (Chủ biên) Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương.	Nhà xuất bản Đại học Huế	
5	TNHN	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Cẩm Tú	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Vật lý	Vật lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Nguyễn Chính Cương, Tô Giang, Đặng Thanh Hải, Vũ Thúy Hằng, Bùi Gia Thịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.	
		Chuyên đề học tập Vật lí 11(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Tưởng Duy Hải, Bùi Trung Ninh, Phạm Văn Vĩnh		

7	Tin học	Tin học 11, định hướng Tin học ứng dụng (kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ Biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Cao Phi Bằng, Ngô Văn Hưng, Nguyễn Thị Trung Thu, Đoàn Văn Thước	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập tin học 11, định hướng tin học ứng dụng (kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ Biên), Bùi Việt Hà (Chủ Biên), Nguyễn Hoàng Hà, Nguyễn Thị Hiền, Trương Võ Hữu Thiên, Lê Hữu Tôn, Phạm Thị Bích Vân		
8	Công nghệ CN	Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên). Thái Thế Hùng (Chủ biên), Hồ Hữu Hải. Khổng Vũ Quảng. Trương Hoàn Sơn. Nguyễn Hồng Sơn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Ngữ văn	Ngữ văn 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân		
10	Thẻ dực	Không lựa chọn			Học sách

					lớp 10 (Đá cầu, Bóng chuyền)
11	GDQP	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 11 (Cánh điều)	Nguyễn Thiện Minh- Hương Xuân Thạch (Đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Trọng Dân (Chủ biên), Hoàng Tuấn Anh, Hoàng Lê Nam, Nguyễn Thanh Sơn, Lương Hồng Sinh	Nhà xuất bản Đại học Sur phạm	
12	Toán	Toán 11, (Cánh Điều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương	Công ty cổ phần đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sur phạm	
		Chuyên đề học tập Toán 11 (Cánh Điều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương		
13	Lịch sử	Lịch sử 11 (Cánh Điều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên) – Lê Hiến Chương – Tống Thị Quỳnh Hương – Nguyễn Mạnh Hương – Vũ Đức Liêm	Nhà xuất bản Đại học sur phạm	
		Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Cánh	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên) – Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên) -		

		Điều)	Nguyễn Thị Thế Bình, – Nguyễn Mạnh Hưởng – Vũ Đức Liên		
14	Địa lí	Địa Lí 11 (Cánh diều)	Lê Thông (Tổng chủ biên)- Nguyễn Đức Vũ (Chủ biên) Nguyễn Việt Hùng – Nguyễn Hoàng Sơn	Nhà xuất bản Đại học sư phạm	
		Chuyên đề học tập Địa Lí 11 (Cánh diều)	Lê Thông (Tổng chủ biên) - Nguyễn Đức Vũ (Chủ biên)– Nguyễn Hoàng Sơn	Nhà xuất bản Đại học sư phạm	
15	GDKT&PL	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đuan, Trần Thị Mai phương (Đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

+ Sách giáo khoa lớp 12

STT	Môn	Tên sách	Tác giả	Tổ chức cá nhân	Ghi chú
1	Hóa học	Hóa học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thu(Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi- Ngô Tuấn Cường- Nguyễn Văn Hải-Lê Trọng Huyền- Nguyễn Thanh Hưng- Đường Khánh Linh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Hóa học 12;(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng chủ biên), Đặng Xuân Thu(Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi - Ngô Tuấn Cường- Nguyễn Đăng Đạt - Nguyễn Văn Hải- Nguyễn Thanh Hưng- Đường Khánh Linh ;		
2		Sinh học 12 (Kết nối tri thức với	Phạm Văn Lập (Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Trần Văn Kiên,	Nhà xuất	

	Sinh học	cuộc sống)	Nguyễn Thị Hồng Liên, Đào Anh Phúc, Đỗ Thị Phúc	bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Sinh 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Trần Văn Kiên, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đào Anh Phúc, Đỗ Thị Phúc		
3	Công nghệ	Công nghệ 12, Lâm nghiệp - Thủy sản (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên) Đồng Huy Giới (chủ biên) Nguyễn Xuân Cảnh - Trương Đình Hoài - Đỗ Thị Phương- Lê Xuân Trường - Trần Ánh Tuyết - Kim Văn Vạn	Đại học Huế	
4	Tiếng Anh	Tiếng Anh 12 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Dương Hoài Thương (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung.	Nhà xuất bản Đại học Huế	
5	TNHN	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Cẩm Tú	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Vật lí	Vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Trần Ngọc Chắt, Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải, Tưởng Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Nguyễn Chính Cường, Tưởng Duy Hải, Phạm Văn Vĩnh		

7		Tin học 12, Định hướng Tin học dụng ứng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà, Đào Kiên Quốc (đồng Chủ biên), Nguyễn Nam Hải, Dương Quỳnh Nga, Lê Kim Thư, Đặng Bích Việt		
	Tin học	Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Tin học dụng ứng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thư, Đặng Bích Việt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
8	Công nghệ CN	Công nghệ 12: Công nghệ điện - điện tử (Kết nối tri thức)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên) Đinh Triều Dương (Chủ biên) Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đăng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Ngữ văn	Ngữ văn 12, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Ngữ văn 12, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị		

			Hồng Vân		
		Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
10	Thẻ đục	Không lựa chọn			Học sách lớp 10 (Bóng rổ, Bóng đá)
11	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 12 (Cánh diều)	Nguyễn Thiện Minh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Hạnh (Chủ biên), Nguyễn Đức Đăng, Phí Văn Hạnh, Uông Thiện Hoàng, Nguyễn Văn Tình, Hoàng Lê Nam, Lương Hồng Sinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
12	Toán	Toán 12, Tập 2 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Toán 12 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương.	(Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	
13	Lịch sử	Lịch sử 12 (Sách Cánh Diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên) Nguyễn Văn Ninh (chủ biên) Nguyễn Thị Thế Bình- Lê Hiến Chương- Nguyễn Mạnh Hưởng - Vũ Đức Liêm - Phạm Thị Tuyết.	Nhà xuất bản Đại học sư phạm. Công ty cổ phần	

		Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên) - Nguyễn Văn Ninh (chủ biên), Lê Hiền Chương - Vũ Đức Liêm-Phạm Thị Tuyết.	đầu tư xuất bản-thiết bị giáo dục Việt Nam.	
14	Địa lí	Địa lí 12 (Cánh diều)	Lê Thông (Tổng chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Quyết Chiến, Phan Đức Sơn, Lê Mỹ Dung, Vũ Đình Hòa, Nguyễn Đức Tôn, Ngô Thị Hải Yến	Nhà xuất bản Đại học sư phạm.	
		Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Cánh diều)	Lê Thông (Tổng chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Quyết Chiến, Ngô Thị Hải Yến, Trần Thị Thanh Thủy.		
15	GDKT&P L	GDKT&PL 12 (Sách kết nối tri thức)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- *Kết quả tự đánh giá (cuối năm học 2024-2025)*

Tiêu chuẩn	Tiêu chí				Chỉ số (Chỉ báo)				Ghi chú
	Đạt	Tỷ lệ	Không đạt	Tỷ lệ	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	
1	10	100%	0	0	30/30	30/30	07/07		
2	04	100%	0	0	12/12	12/12	06/06		
3	06	100%	0	0	18/18	18/18	04/05	Đạt (TC3)	

4	02	100%	0	0	06/06	06/06	02/02	Đạt (TC4)	
5	06	100%	0	0	18/18	18/18	05/05	Đạt (TC5)	
								Đạt (TC6)	
Tổng	28	100%	0	0	84/84	84/84	24/25		
Tỷ lệ %		100%			100%	100%	96%		

+ Số tiêu chí đạt được tăng lên so với đầu năm học: 4

+ Số chỉ số đạt được tăng lên so với đầu năm học : 3

+ Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3: Mức 1: Đạt 28 chiếm 100%; Mức 2: Đạt 28 chiếm 100%; Mức 3: Đạt 27 chiếm 96,4%; Không đạt 0 chiếm 0%;

+ Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4: Đạt 04 chiếm 66,7%; Không đạt 02 chiếm 33,3%;

Căn cứ vào Điều 12,13,14,15,16 (Mục 2 chương II) Quy định về Tiêu chuẩn đánh giá trường trung học mức 2 ban hành kèm theo Thông tư số 18/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, trường THPT Chi Lăng đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2.

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá trong năm học 2025 - 2026

+ Tiêu chuẩn 3: Cải tiến tiêu chí 3.2 lên mức độ 3

+ Cải tiến: Tiêu chuẩn 2 mức độ 4.

+ Tổ chức lưu trữ hồ sơ minh chứng khoa học, tiếp tục bổ sung hồ sơ năm học 2025- 2026.

+ Chuẩn bị hồ sơ công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 2) vào tháng 12/2025.

+ Các giải pháp thực hiện: Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và để giữ vững chất lượng của trường đạt chuẩn quốc gia. Lựa chọn một số tiêu chí ưu tiên thực hiện trong năm học phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Tham gia lớp tập huấn về kiểm định chất lượng tại Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Lạng Sơn (nếu có).

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Nhà trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2015 theo Quyết định số 646/QĐ-UBND, ngày 24/4/2015 của Chủ tịch UBND Tỉnh.

- Nhà trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2021 theo Quyết định số 529/QĐ-UBND, ngày 24/02/2021 của Chủ tịch UBND Tỉnh.

- Năm 2025: *Thư viện của Trường THPT Chi Lăng Lạng Sơn* đã được *Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn* công nhận **Thư viện đạt tiêu chuẩn Mức độ 1 năm 2025** (Quyết định 490/QĐ-SGDĐT, ngày 19/5/2025 về việc Công nhận tiêu chuẩn Thư viện trường học năm 2025 đối với Thư viện trường THPT Chi Lăng: (Tiêu chuẩn 1: đạt mức độ 1; Tiêu chuẩn 2: đạt mức độ 2; Tiêu chuẩn 3: đạt mức độ 1; Tiêu chuẩn 4: đạt mức độ 1; Tiêu chuẩn 5: đạt mức độ 1)).

- Năm 2026 (tháng 2/2026) thực hiện chu kỳ công nhận lại trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

- Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026:

+ Vùng tuyển sinh: Trường THPT Chi Lăng tuyển học sinh chủ yếu thuộc Thị trấn Đồng Mỏ, các xã Thượng Cường, Mai Sao, Bắc Thủy, Vân Thủy, Chiến Thắng, Vân An, Quan Sơn, Lâm Sơn, Hữu Kiên, học sinh của trường DTNT THCS và những học sinh có nguyện vọng 2 học tại trường.

+ Chỉ tiêu tuyển sinh:

Số học sinh thuộc vùng tuyển: 675

Số học sinh tuyển mới vào trường: 440, tỷ lệ 65,2%. 44 học sinh/lớp.

Số lớp 10 tuyển mới: 10

+ Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển

+ Phương án lựa chọn và tổ chức sắp xếp dạy các tổ hợp lớp 10 năm học 2025-2026:

Tổ hợp 1: Môn bắt buộc+ môn tự chọn: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học: 2 lớp= 88 học sinh (tổ hợp đã có ở khối trên). Chuyên đề học tập: Toán, Vật lý, Hoá học.

Tổ hợp 2: Môn bắt buộc+ môn tự chọn: Hóa học, Địa lý, Sinh học, Tin học: 2 lớp= 88 học sinh (tổ hợp đã có ở khối trên). Chuyên đề học tập: Toán, Hoá học, Sinh học (1 lớp); Hoá học, Sinh học, Tin học (1 lớp).

Tổ hợp 3: Môn bắt buộc+ môn tự chọn: Vật lý, Giáo dục KT&PL, Địa lý, Tin học: 1 lớp=44 học sinh (tổ hợp đã có ở khối trên). Chuyên đề học tập: Toán, Vật lý, Tin học.

Tổ hợp 4: Môn bắt buộc+ môn tự chọn: Vật lý, Địa lý, Giáo dục KT&PL, Công nghệ công nghiệp: 2 lớp=88 học sinh (tổ hợp đã có ở khối trên). Chuyên đề học tập: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.

Tổ hợp 5: Môn bắt buộc+ môn tự chọn: Hóa học, Địa lý, Giáo dục KT&PL, Công nghệ nông nghiệp: 2 lớp=88 học sinh (tổ hợp đã có ở khối trên). Chuyên đề học tập: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (1 lớp); Ngữ văn, Giáo dục KT&PL, Địa lý (1 lớp).

Tổ hợp 6: Môn bắt buộc+ môn tự chọn: Vật lý, Địa lý, Giáo dục KT&PL, Công nghệ nông nghiệp: 1 lớp=44 học sinh (tổ hợp đã có ở khối trên). Chuyên đề học tập: Ngữ văn, Giáo dục KT&PL, Địa lý.

+ Lộ trình thực hiện như sau:

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
Trước 12/5/2025	Hoàn thành xây dựng kế hoạch tuyển sinh của nhà trường; thực hiện tư vấn tuyển sinh tại các trường THCS	HT, các thành viên được phân công
Trước 09/5/2025	Nhận DS HS thường trú vùng KT đặc biệt khó khăn	Ban Hồ sơ
12-18/5/2025	Nhận HS đăng ký dự thi, nhận HS thí sinh tự do	Ban hồ sơ
20-23/5/2025	Nhận QĐ xét TN THCS từ các trường THCS	Ban hồ sơ
<9h 09/5/2025	Tư vấn tuyển sinh tại các trường THCS	Ban tư vấn TS
<26/5/2025	Chia phòng thi, đánh số BD, niêm yết DS, gửi SL đăng ký dự thi về Sở	Ban hồ sơ
<28/5/2025	Tham gia Tập huấn nghiệp vụ thi, nộp DS HĐ coi thi	Toàn HĐ, BGH
Trước 31/5/2025	In ấn các tài liệu chuẩn bị cho công tác tổ chức thi; Chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để tổ chức thi tại các địa điểm thi	Lãnh đạo HĐ, thư ký, tổ bảo vệ phục vụ.
3/6/2025	Nhận vật liệu thi và nộp kinh phí vật liệu thi tại Sở GDĐT. Lãnh đạo, thư kí HĐ coi thi, tổ bảo vệ, phục vụ có mặt làm việc.	Lãnh đạo, thư kí HĐ
4/6/2025	- Hội đồng coi thi làm việc (bắt đầu từ 8h00) - Phổ biến quy chế tại phòng thi từ 14h	Hội đồng coi thi
	Nhận đề thi tại Sở GDĐT (từ 13h30)	Lãnh đạo Hội đồng coi thi
5,6/6/2025	Coi thi theo lịch	Hội đồng coi thi

Trước 17h30 ngày 6/6/2025	Nộp bài thi về Sở GDĐT	Lãnh đạo Hội đồng coi thi
21/6-25/6/2025	Niên yết kết quả thi, HD đăng ký phúc khảo	Hội đồng tuyển sinh Sở
1/7-3/7/2025	- Học sinh trúng tuyển nộp đơn đăng kí nhập học - Tiếp nhận đơn phúc khảo của học sinh	Học sinh, HĐTS trường
5/7-10/7/2025	Hoàn thành phúc khảo bài thi tuyển sinh	Sở GDĐT
Trước 20/7/2025	Phê duyệt danh sách trúng tuyển các trường	Sở GDĐT, các trường THPT
Sau 20/7/2025	Thông báo kết quả trúng tuyển	HĐTS

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh: 411; tổng số học sinh theo từng khối: Khối 10: 412; Khối 11: 379 ; Khối 12: 363; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: Khối 10: 4,12; Khối 11: 3,79 ; Khối 12: 3,63; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 1154 số lượng học sinh nam: 529, học sinh nữ: 625, học sinh là người dân tộc thiểu số: 1071, học sinh khuyết tật: 10; số lượng học sinh chuyển trường 04, tiếp nhận học sinh học tại trường: 0

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

- Kết quả học tập

Tổng số HS	Số không xếp loại (KT, học hòa nhập...)	số HS được đánh giá, xếp loại	Kết quả học tập							
			Mức tốt		Mức khá		Mức đạt		Mức chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
4	5	6	9	10	11	12	13	14	15	16
412	0	412	40	9.7%	146	35.4%	214	51.9%	12	2.9%
379	0	379	60	15.8%	187	49.3%	131	34.6%	1	0.3%
363	0	363	73	20.1%	249	68.6%	41	11.3%	0	0.0%
1154	0	1154	173	15.0%	582	50.4%	386	33.4%	13	1.1%

Học sinh lưu ban (sau kiểm tra lại/rèn luyện lại trong hè): 03

- Kết quả rèn luyện

Tổng số HS	Số không xếp loại (KT, học hòa nhập...)	số HS được đánh giá, xếp loại	Kết quả rèn luyện							
			Mức tốt		Mức khá		Mức đạt		Mức chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
4	5	6	19	20	21	22	23	24	25	26

412	0	412	342	83.0%	50	12.1%	19	4.6%	1	0.2%
379	0	379	322	85.0%	56	14.8%	0	0.0%	1	0.3%
363	0	363	327	90.1%	33	9.1%	3	0.8%	0	0.0%
1154	0	1154	991	85.9%	139	12.0%	22	1.9%	2	0.2%

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 363; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông: 87; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông: 121.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai tài chính năm 2025:

a. Nguồn ngân sách:

Căn cứ phân bổ dự toán thu chi NSNN năm 2025 theo Quyết định số 1868/QĐ- SGDDT ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn và các quyết định điều chỉnh bổ sung dự toán trong năm cho nhà trường;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

Đơn vị tính: đồng		
NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	364. 336.382	28.309.000
DỰ TOÁN GIAO (2)	15.282.000.000	5.635.950.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	291.920.000	3.069.873.000
DỰ TOÁN GIẢM (4)	0	13.000.000
DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)		
DỰ TOÁN CHI	15.405.362.112	8.623.147.400
I. CHI THƯỜNG XUYÊN	15.405.362.112	
Tiền lương	7.368.684.200	
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	271.818.200	
Phụ cấp lương	4.540.273.500	
Tiền thưởng	31.950.000	
Phúc lợi tập thể	27.988.000	

Các khoản đóng góp	1.922.135.000	
Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	213.380.000	
Thanh toán dịch vụ công cộng	100.252.600	
Vật tư văn phòng	81.203.000	
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	28.849.612	
Công tác phí	359.218.000	
Chi phí thuê mướn	20.000.000	
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	80.530.000	
Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	48.630.000	
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	181.036.000	
Chi khác	86.592.000	
Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	42.822.000	
II. CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN		8.623.147.400
Phụ cấp lương		908.322.000
Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		1.769.790.000
Tiền thưởng		835.690.000
Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		3.129.048.000
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		15.777.400
Chi khác		1.964.520.000
DỰ TOÁN CÒN LẠI	532.894.270	97.984.600
CHUYỂN SANG NĂM 2026	457.894.270	19.722.600
DỰ TOÁN HỦY	75.000.000	78.262.000

b, Nguồn dịch vụ và thu khác

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Học phí	Gửi xe	Ghi chú
1	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ		24.236.400 3.110.266.300	1.569.948.900 324.236.400	174.985.840

a	Năm trước chuyển sang		1.387.006.300	121.062.400	
b	Thu trong năm		1.723.260.000	203.174.000	
2	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD,dịch vụ	1.226.558.000	1. 037.382.000	189. 176.000	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí	8. 379.000		8. 379.000	
-	Phụ cấp lương				
-	Tiền thưởng	9. 010.000	9. 010.000		
-	Phúc lợi tập thể				
-	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	190.187.000	139. 265.000	50.922.000	
-	Thanh toán dịch vụ công cộng				
-	Vật tư văn phòng	186. 826.000	186. 826.000		
-	Hội nghị				
-	Chi thuê mướn	178.440.000	98.540.000	79.900.000	

-	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	73.295.000	26.320.000	49.975.000	
-	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	191. 256.000	191. 256.000		
-	Chi khác	386. 165.000	386. 165.000		

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội học kỳ II năm học 2024-2025 và học kỳ I năm học 2025-2026

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ và theo ND 238	1.633	1.908.090.000	
Học kỳ I năm học 2025-2026	1.224	1.756.440.000	4 tháng
Học kỳ II năm học 2024-2025	409	151.650.000	5 tháng
Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ	799	536.250.000	
Học kỳ I năm học 2025-2026	413	246.750.000	4 tháng
Học kỳ II năm học 2024-2025	386	289.500.000	5 tháng
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH	4	41.184.000	
Hỗ trợ học bổng	4	24.320.000	
Học kỳ I năm học 2025-2026	3	31.824.000	4 tháng

Học kỳ II năm học 2024-2025	1	9.360.000	5 tháng
Đối tượng được hỗ trợ tiền ăn, nhà ở: Theo Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ	746	4.314.390.000	
Học kỳ I năm học 2025-2026	390	2.012.690.000	4 tháng
Học kỳ II năm học 2024-2025	356	2.301.700.000	5 tháng

3. Công khai các khoản thu

3.1 Học kỳ I năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Mức thu	Ghi chú
1	Tiền gửi xe đạp, xe đạp điện	45.000đ/HS/tháng	QĐ số 2378/QĐ-UBND ngày 31/12/2024
2	Tiền gửi xe máy, xe máy điện	30.000/HS/tháng	QĐ số 2378/QĐ-UBND ngày 31/12/2024
3	Dịch vụ phục vụ tổ chức thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi	15.000đ/HS/môn/ lần thi	Căn cứ NQ 23/2025/NQ-HĐND - HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 15/07/2025
4	Dịch vụ phục vụ vệ sinh trường học	15.000đ/HS/tháng	Căn cứ NQ 23/2025/NQ-HĐND - HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 15/07/2025
5	Dịch vụ phục vụ công tác kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ	135.000đ/HS/năm học	Căn cứ NQ 23/2025/NQ-HĐND - HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 15/07/2025
6	Tiền Onluyen.vn	600.000đ/HS/năm học	Căn cứ NQ 23/2025/NQ-HĐND - HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 15/07/2025
7	Tiền sổ liên lạc điện tử	120.000đ năm học	Căn cứ NQ 23/2025/NQ-HĐND - HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 15/07/2025

3.2 Học kỳ II năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Mức thu	Ghi chú
1	Học phí	100.000đ/HS/tháng.	Thu theo NQ số 10/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024

2	Tiền gửi xe đạp, xe đạp điện	45.000đ/HS/tháng	QĐ số 59/2017/QĐ-UBND ngày 04/11/2027
3	Tiền gửi xe máy, xe máy điện	30.000/HS/tháng	QĐ số 59/2017/QĐ-UBND ngày 04/11/2027
4	Tiền nước uống	5.000đ/HS/tháng	Căn cứ NQ 10/2021- HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 17/7/2021
5	Tiền quỹ vệ sinh	12.000đ/HS/tháng	Căn cứ NQ 10/2021- HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 17/7/2021
6	Tiền điện thắp sáng, nước sinh hoạt	10.000đ/HS/tháng	Căn cứ NQ 10/2021- HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 17/7/2021
7	Tiền phô tô đề kiểm tra định kỳ	80.000đ/HS/năm học	Căn cứ NQ 10/2021- HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 17/7/2021
8	Tiền dạy 2 buổi / ngày	5.000đ/tiết	Căn cứ NQ 10/2021- HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 17/7/2021

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại ngân hàng, kho bạc ngày 31/12/2025:

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	47.871.390	
II	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	597.901.005	
III	Số dư tiền gửi ngân hàng Agribank	Đồng	3.576.200	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Nhiệm vụ: Nâng cao phổ điểm thi TN THPT môn Toán. Phần đầu phổ điểm trung bình môn Toán đạt 5.4 hoặc bằng trung bình điểm thi TN THPT của cả tỉnh.

Các giải pháp thực hiện:

- Đối với tổ chuyên môn:

+ Xây dựng và điều chỉnh kế hoạch ôn tập chi tiết theo từng giai đoạn; kế hoạch bám sát với ma trận và đề thi minh họa của Bộ GD&ĐT; thường xuyên rà soát kế hoạch, kiểm soát tiến độ và chất lượng ôn tập.

+ Phân công giáo viên tham gia đầy đủ các buổi tập huấn về ôn thi THPT do Sở GD&ĐT tổ chức.

+ Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề “Phân tích cấu trúc đề thi thử tốt nghiệp THPT môn Toán”, “Xây dựng đề thi thử TN”, “Phân tích kết quả thi thử”.

+ Thực hiện dự giờ ôn tập của giáo viên trong tổ chuyên môn để học hỏi kinh nghiệm trong quá trình ôn tập.

+ Tham gia, tổ chức 04 buổi dạy và dự giờ trực tuyến, chia sẻ phương pháp ôn tập thi TN THPT môn Toán với GV dạy toán 12 các trường THPT trong tỉnh qua đó GV được học hỏi thêm nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và hướng dẫn học sinh ôn tập.

- Đối với giáo viên

+ Chuẩn bị giáo án ôn tập bao gồm: Yêu cầu về kiến thức kỹ năng của nội dung ôn tập, nội dung giáo án phải thể hiện sự phân hóa đối tượng trong các lớp dạy.

+ Chuẩn bị hệ thống phiếu học tập theo từng đối tượng học sinh, có hướng dẫn và gợi ý trả lời cụ thể.

+ Vừa củng cố kiến thức cơ bản vừa rèn luyện kỹ năng làm bài.

+ Ôn luyện từng loại câu hỏi theo cấu trúc đề thi.

+ Rèn luyện cho học sinh đảm bảo các nội dung trọng tâm theo chuẩn kiến thức.

+ Phân tích các đề thi minh họa, thu thập các đề thi thử để lựa chọn kiến thức ôn cho phù hợp.

+ Hướng dẫn học sinh kỹ năng sử dụng máy tính casio, vinacal trong việc giải toán.

+ Tổ chức xây dựng 06 đề ôn luyện cho học sinh theo cấu trúc đề thi minh họa của Bộ GD&ĐT và giao cho học sinh làm trên phần mềm onluyen.vn.

+ Sử dụng ứng dụng Chatgpt để tạo, tìm kiếm bài tập cho học sinh.

+ Tăng cường phối hợp sự quản lý của GVCN; Tăng cường trao đổi chuyên môn trong nhóm GV dạy lớp 12.

Nơi nhận:

- BGH;
- Bảng niêm yết công khai;
- Website trường THPT Chi Lăng;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Mạnh Hùng